***Tuần****: …….* ***PPCT****:…….* ***Ngày soạn****: ……………………*

**BÀI 33. PHÁT TRIỂN KINH TẾ VÀ ĐẢM BẢO QUỐC PHÒNG** **AN NINH Ở BIỂN ĐÔNG VÀ CÁC ĐẢO, QUẦN ĐẢO.**

# I. MỤC TIÊU

## 1. Về kiến thức

- Trình bày được khái quát về Biển Đông.

- Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.

- Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên

- Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

- Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.

- Sử dụng được atlat địa lí Việt Nam, bản đồ, số liệu thống kê để trình bày về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.

## - Thu thập được tài liệu, tranh ảnh, video,... để viết và trình bày báo cáo tuyên truyền về bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam.

## 2. Về năng lực

## - Năng lực chung: Năng lực giao tiếp, hợp tác, giải quyết vấn đề, tự học, sử dụng công nghệ thông tin.

## - Năng lực chuyên biệt:

+ Nhận thức thế giới theo quan điểm không gian: Sử dụng được bản đồ để xác định được vị trí của Biển Đông, các đảo và quần đảo của Việt Nam.

- Giải thích các hiện tượng và quá trình địa lí: Giải thích được trình phát triển về kinh tế biển đảo của nước ta.

- Sử dụng các công cụ địa lí học: Tìm kiếm, chọn lọc được thông tin từ các văn bản tài liệu phù hợp với nội dung, chủ đề nghiên cứu; sử dụng được tranh, ảnh địa lí để miêu tả những hiện tượng, quá trình địa lí.

- Khai thác Internet phục vụ môn học: Tìm kiếm, thu thập, chọn lọc và hệ thống hoá được các thông tin địa lí cần thiết từ các trang web; đánh giá và sử dụng được các thông tin trong học tập và thực tiễn.

- Cập nhật thông tin và liên hệ thực tế: Tìm kiếm được thông tin từ các nguồn tin cậy để cập nhật số liệu về các tài nguyên thiên nhiên và việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo.

## 3. Về phẩm chất

- Chăm chỉ: Có ý chí vượt qua khó khăn để hoàn thành các nhiệm vụ học tập.

- Trung thực: trung thực trong học tập.

# - Trách nhiệm: Tích cực, tự giác, nghiêm túc học tập, rèn luyện, tu dưỡng đạo đức bản thân.

# II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

## 1. Giáo viên

- Bản đồ Địa lí tự nhiên Việt Nam.

- Một số tranh ảnh về biển và đảo Việt Nam

- Atlat Địa lí Việt Nam. Bản đồ kinh tế Việt Nam.

- Lược đồ các vùng kinh tế giáp biển.

**2. Học sinh**

- Atlat địa lí Việt Nam

- SGK, đồ dùng học tập.

**III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC**

**Hoạt động 1: Khởi động (3-5 phút)**

# 1. Mục tiêu

Kết nối bài học, khơi gợi sự hứng thú, tính tò mò để học sinh học tập tích cực, sáng tạo hơn.

## 2. Nội dung

HS lắng nghe và cảm nhận về bài hát nơi đảo xa.

## **3**. Sản phẩm

Câu trả lời của học sinh

## 4. Tổ chức thực hiện:

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV mở cho lớp nghe lại ca khúc “Nơi đảo xa” của nhạc sĩ Thế Song. Sau khi nghe xong, GV mời một HS đứng dậy nêu cảm nhận của bản thân sau khi lắng nghe bài hát.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS đứng dậy nêu cảm nhận của bản thân mình về bài hát.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV gọi HS khác nêu cảm nhận.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nêu khái quát chung về Biển Đông , sau đó dẫn dắt vào bài 33: *“Việt Nam có vùng biển và các đảo, quần đảo giàu tài nguyên thiên nhiên, có nhiều tiềm năng để phát triển tổng hợp về kinh tế biển. Việc khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo ở Việt Nam như thế nào? Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh quốc phòng cho đất nước ra sao?”* chúng ta sẽ cùng tìm hiểu ở bài học hôm nay.

# Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

### Hoạt động 2.1. Tìm hiểu khái quát về Biển Đông và các đảo, quần đảo.

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được khái quát về Biển Đông.

- Trình bày được vùng biển Việt Nam, các đảo và quần đảo là một bộ phận quan trọng của nước ta.

**2. Nội dung**

Học sinh đọc SGK và hiểu biết của bản thân để trình bày khái quát về Biển Đông và vùng biển Việt Nam.

**3. Sản phẩm**

Sản phẩm trên phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phát phiếu học tập số 1, yêu cầu 2 bạn ngồi cạnh nhau sẽ cũng đọc sách giáo khoa thảo luận và hoàn thành phiếu học tập sau:

| **Phiếu học tập số 1** |
| --- |
| **1. Biển Đông**  - Nằm ở ……………………………….  - Diện tích …………., lớn thứ ………… ở Thái Bình Dương và thứ ……. trên thế giới.  - Có 2 vịnh biển lớn là ………………………………………..  - Các nước có chung Biển Đông với Việt Nam ………………………………………….  - Khí hậu Biển Đông mang tính chất ……………………………………….., độ muối trung bình khoảng ………, có sự biến động …………….. và …………….  - Biển Đông giàu tài nguyên …………………….., là điều kiện thuận lợi ………………..  **2. Vùng biển, các đảo và quần đảo của Việt Nam**  - Vùng biển nước ta rộng …………………  - Bao gồm 5 bộ phận ……………………………………..  - Vùng biển nước ta có hàng nghìn ………………….., trong đó có …………………..  - Việt Nam có 1 thành phố đảo trực thuộc tỉnh là ……………………… và có …………. huyện đảo.  - Đường bờ biển nước ta dài khoảng ………….. từ ………………… đến ……………., có …… tỉnh/thành giáp biển. |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Hai bạn ngồi cạnh nhau sẽ cùng trao đổi, thảo luận để hoàn thành phiếu học tập trong thời gian là 2 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV mời 1 cặp đôi lên trình bày, các cặp đôi khác nhận xét bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:** GV nhận xét, đánh giá, sau đó mở rộng thêm một số kiến thức liên quan. Phần nội dung ghi bài:

| **Phiếu học tập số 1** |
| --- |
| **1. Biển Đông**  - Nằm ở phía tây Thái Bình Dương  - Diện tích 3,44 triệu km2, lớn thứ 2 ở Thái Bình Dương và thứ 3 trên thế giới.  - Có 2 vịnh biển lớn là vịnh Bắc Bộ và vịnh Thái Lan  - Các nước có chung Biển Đông với Việt Nam là Trung Quốc, Thái Lan, Căm-phu-chia, Ma-lai-xi-a, In-đô-nê-xi-a, Phi-lip-pin, Bru-nây, Xin-ga-po.  - Khí hậu Biển Đông mang tính chất nhiệt đới ẩm gió mùa, độ muối trung bình khoảng 32-33%, có sự biến động theo mùa và theo khu vực.  - Biển Đông giàu tài nguyên khoáng sản, sinh vật, du lịch… là điều kiện thuận lợi khai thác tổng hợp kinh tế biển.  **2. Vùng biển, các đảo và quần đảo của Việt Nam**  - Vùng biển nước ta rộng trên 1 triệu km2  - Bao gồm 5 bộ phận nội thủy, lãnh hải, tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa.  - Vùng biển nước ta có hàng nghìn đảo và quần đảo, trong đó có 2 quần đảo xa bờ là Hoàng Sa và Trường Sa.  - Việt Nam có 1 thành phố đảo trực thuộc tỉnh là Phú Quốc và có 11 huyện đảo.  - Đường bờ biển nước ta dài khoảng 3260 km từ Quảng Ninh đến Kiên Giang, có 28 tỉnh/thành giáp biển. |

### Hoạt động 2.2. Tìm hiểu về tài nguyên thiên nhiên vùng biển đảo Việt Nam

**1. Mục tiêu**

## - Chứng minh được vùng biển nước ta, các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên.

**2. Nội dung**

Dựa vào thông tin mục II, hãy chứng minh vùng biển và các đảo, quần đảo nước ta có tài nguyên thiên nhiên phong phú, đa dạng.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời trên phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 2 cụm, mỗi cụm có 3 nhóm theo sơ đồ sau:

|  | Nhiệm vụ: Hoàn thành sơ đồ sau trong thời gian 5 phút: |
| --- | --- |

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS suy nghĩ, hoàn thành các nhiệm vụ học tập trong thời gian 5 phút.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV cho các nhóm trao đổi sản phẩm nhóm trong từng cụm:

+ Cụm 1: Nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 1.

+ Cụm 2: Nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 5, nhóm 5 đưa sản phẩm cho nhóm 6, nhóm 6 đưa sản phẩm cho nhóm 4.

Trong 2 phút các nhóm sẽ bổ sung, hoàn thiện đánh giá và cho điểm sản phẩm của nhóm bạn theo các tiêu chí mà giáo viên đã đưa ra. Sau đó GV chọn sản phẩm tốt nhất của 1 nhóm, đại diện nhóm lên trình bày, cho các nhóm khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, tuyên dương quá trình làm việc của học sinh.

+ GV tổng hợp kiến thức và cung cấp thêm một số thông tin mở rộng. Thông tin phản hồi:



### Hoạt động 2.3. Tìm hiểu vấn đề khai thác tổng hợp tài nguyên biển đảo

**1. Mục tiêu**

- Trình bày được tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển - đảo (khai thác sinh vật, khai thác khoáng sản, giao thông vận tải và du lịch biển); giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

**2. Nội dung**

Dựa vào nội dung mục III và hình 33, hãy trình bày tình hình khai thác tổng hợp tài nguyên biển, đảo ở nước ta.

**3. Sản phẩm**

Phiếu học tập của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

* **VÒNG CHUYÊN GIA**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm chuyên gia nhận nhiệm vụ như sau:

+ Nhóm 1: Trình bày về phát triển du lịch biển đảo

+ Nhóm 2: Trình bày về giao thông vận tải biển

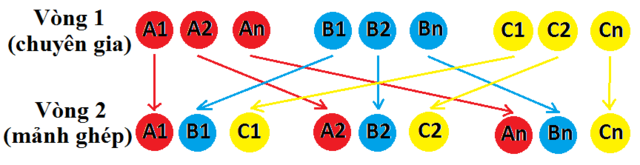
+ Nhóm 3: Trình bày về khai thác khoáng sản

+ Nhóm 4: Trình bày về khai thác tài nguyên, sinh vật biển đảo.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** HS nghiên cứu thảo luận hoàn thành trong vòng 4 phút

* **VÒNG MẢNH GHÉP**

**Ở mỗi nhóm,** thành viên các nhóm tự đánh số cho cá nhân từ 1 đến 9, nếu dư ra lại xoay vòng về số 1. Sau khi các nhóm hoàn thành đánh số, học sinh sẽ di chuyển, các cá nhân số 1 cùng về vị trí nhóm 1, các cá nhân số 2 cùng về vị trí nhóm 2, các cá nhân số 3 cùng về vị trí nhóm 3, các cá nhân số 4 cùng về vị trí nhóm 4 để hình thành 4 nhóm mảnh ghép mới.



**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV giao nhiệm vụ cho cả 4 nhóm như sau: Trình bày về sự phát triển của các ngành kinh tế biển theo mẫu sau trong thời gian 10 phút:

| **Ngành kinh tế biển** | **Tình hình phát triển** |
| --- | --- |
| Phát triển du lịch biển đảo |  |
| Giao thông vận tải biển |  |
| Khai thác khoáng sản |  |
| Khai thác tài nguyên sinh vật biển đảo |  |

Hết thời gian nhóm 1 đưa sản phẩm cho nhóm 2, nhóm 2 đưa sản phẩm cho nhóm 3, nhóm 3 đưa sản phẩm cho nhóm 4 và nhóm 4 đưa sản phẩm cho nhóm 1. Trong thời gian 2 phút, các nhóm bắt đầu chấm và sửa lỗi cho nhau bằng bút màu đỏ. GV quan sát và hỗ trợ học sinh khi gặp khó khăn.

**\* Báo cáo, thảo luận:** GV nhìn tổng thể sản phẩm của 4 nhóm, cho ra sản phẩm ưng ý nhất và gọi 1 nhóm bất kỳ đứng dậy báo cáo sản phẩm, các nhóm khác bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:**

+ GV nhận xét, đánh giá quá trình làm việc của học sinh.

+ GV chốt nội dung và mở rộng một số thông tin liên quan

| **Ngành kinh tế biển** | **Tình hình phát triển** |
| --- | --- |
| Phát triển du lịch biển đảo | - Hoạt động du lịch phát triển nhanh  - Số lượng khách và doanh thu từ du lịch tăng  - Nhiều loại hình du lịch mang lại hiệu quả cao như nghỉ dưỡng biển, thể thao biển…  - Hình thành các trung tâm du lịch biển: Hạ Long, Đà Nẵng, Nha Trang…  - Ý nghĩa:  + Du lịch biển thúc đẩy GTVT biển, nuôi trồng thủy sản gắn với du lịch => nâng cao đời sống nhân dân, góp phần bảo tồn các giá trị văn hóa vùng biển  - Phát triển du lịch cần chú ý đến bảo vệ môi trường và hệ sinh thái ven biển, đảo. |
| Giao thông vận tải biển | - Hệ thống cảng biển ngày càng phát triển và hiện đại  - Các tuyến GTVT biển được mở rộng cả nội địa và quốc tế  - Dịch vụ hàng hải ngày càng phát triển, đội tàu buôn quốc gia được tăng cường => góp phần vận chuyển hàng hóa trong nước và hoạt động ngoại thương.  - Khối lượng vận chuyển và luân chuyển hàng hóa có xu hướng tăng  - Ý nghĩa: thúc đẩy hoạt động ngoại thương, du lịch biển, khẳng định vai trò, vị thế của Việt Nam, góp phần đảm bảo an ninh quốc phòng.  - Trong quá trình vận chuyển cần chú ý đến bảo vệ môi trường, hạn chế các sự cố tràn dầu. |
| Khai thác khoáng sản | - Khai thác khoáng sản biển quan trọng nhất là dầu mỏ và khí tự nhiên  - Khai thác mỏ dầu đầu tiên vào năm 1986 ở thềm lục địa phía nam.  - Sản lượng khai thác dầu không ổn định  - Cát thủy tinh và titan được khai thác ở vùng ven biển  - Làm muối là nghề truyền thống của người dân vùng ven biển. Nổi tiếng nhất là Cà Ná, Phương Cựu…  - Ý nghĩa: mang lại nguồn lợi kinh tế lớn cho đất nước, thúc đẩy công nghiệp hóa dầu, tạo nguồn hàng xuất khẩu.  - Khai thác tài nguyên biển cần chú ý đến bảo vệ môi trường |
| Khai thác tài nguyên sinh vật biển đảo | - Được đầu tư về phương tiện, công nghệ để tăng cường khai thác xa bờ, truy xuất nguồn gốc  - Sản lượng khai thác tăng nhanh  Bắc Trung Bộ và DH Nam Trung Bộ có sản lượng khai thác hải sản lớn nhất  - Sản lượng khai thác cá biển chiếm tỷ trọng cao nhất  Nuôi trồng được đầu tư mở rộng diện tích và đối tượng nuôi trồng.  - Mô hình nuôi công nghiệp, công nghệ cao ngày càng phổ biến  - Nuôi trồng theo hướng bền vững được chú trọng  - Ý nghĩa: cung cấp nguyên liệu cho công nghiệp sản xuất và chế biến thực phẩm, tạo mặt hàng xuất khẩu, góp phần thúc đẩy du lịch biển  - Khai thác và nuôi trồng thủy sản cần chú ý đến bảo vệ tài nguyên sinh vật và môi trường. |

### Hoạt động 2.4. Tìm hiểu về sự cần thiết phải bảo vệ tài nguyên biển đảo.

**1. Mục tiêu**

- Giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

**2. Nội dung**

Dựa vào nội dung mục IV và hiểu biết của bản thân, hãy giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh trong phiếu học tập

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 6 nhóm và yêu cầu các nhóm *“Dựa vào nội dung mục IV và hiểu biết của bản thân, hãy giải thích được sự cần thiết phải bảo vệ môi trường biển ở nước ta”* theo kĩ thuật khăn trải bàn.A black background with blue circles and a white square with red text

Description automatically generated

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Các thành viên trong nhóm sẽ ghi các biện pháp của cá nhân lên xung quanh phiếu học tập trong vòng 3 phút. Sau đó cả nhóm thảo luận để thống nhất ý kiến chung trong vòng 5 phút nữa.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV gọi học sinh bất kì lên bảng trình bày các thông tin đã ghi lại được. Một số học sinh khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức và mở rộng thông tin

| THÔNG TIN PHẢN HỒI |
| --- |
| - Môi trường biển, đảo là một bộ phận trong môi trường sống của người dân Việt Nam. Các hoạt động kinh tế biển mang lại hiệu quả kinh tế cao, góp phần đáng kể vào quy mô GDP của cả nước. Vì thế, bảo vệ môi trường biển là bảo vệ không gian, các nguồn lợi để phát triển kinh tế – xã hội đất nước.  – Môi trường biển, đảo có những đặc điểm khác biệt với môi trường trên đất liền:  + Môi trường biển là một thể thống nhất. Vì vậy, nếu một vùng biển bị ô nhiễm sẽ ảnh hưởng đến vùng bờ biển, vùng nước và các đảo xung quanh, ảnh hưởng đến các hệ sinh thái trên biển, cuộc sống của cư dân ven biển và trên các đảo.  + Các đảo trên biển của nước ta thường có diện tích nhỏ, nằm biệt lập với đất liền. Mỗi đảo đều có đặc điểm tự nhiên riêng và dễ bị tác động bởi các hoạt động của con người. Bảo vệ rừng, bảo vệ môi trường trên đảo là giữ được mực nước ngầm và hệ sinh thái trên đảo, đảm bảo cuộc sống cho cư dân sinh sống trên đảo, đồng thời, bảo vệ quốc phòng an ninh cho đất nước.  – Việc khai thác các nguồn lợi trên Biển Đông và khu vực ven biển đã và đang có những tác động xấu đến môi trường biển. Môi trường biển đảo ở một số nơi bị ô nhiễm và suy thoái. Do đó, cần bảo vệ để kịp thời ngăn chặn những tác động xấu đến môi trường biển và cuộc sống của cư dân ven biển. |

### Hoạt động 2.5. Tìm hiểu về ý nghĩa của biển Đông trong phát triển kinh tế và đảm bảo quốc phòng an ninh

**1. Mục tiêu**

- Phân tích được ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và đảm bảo an ninh cho đất nước; trình bày được hướng chung trong việc giải quyết các tranh chấp vùng biển - đảo ở Biển Đông.

**2. Nội dung**

Dựa vào nội dung mục V, hãy:

- Phân tích ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

- Nêu hướng chung trong việc giải quyết tranh chấp vùng biển đảo ở Biển Đông.

**3. Sản phẩm**

Câu trả lời của học sinh trong phiếu học tập

**4. Tiến trình hoạt động:**

**\* Chuyển giao nhiệm vụ:** GV chia lớp thành 4 nhóm và giao nhiệm vụ như sau:

+ Nhóm 1,3: Phân tích ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Nhóm 2,4: Nêu hướng chung trong việc giải quyết tranh chấp vùng biển đảo ở Biển Đông.

**\* Thực hiện nhiệm vụ:** Các nhóm sẽ thảo luận nhiệm vụ của mình trong thời gian 3 phút, sau đó các nhóm cùng nhiệm vụ sẽ tiến hành chấm chéo sản phẩm, bổ sung thông tin cho nhau.

**\* Báo cáo, thảo luận:** Hết thời gian, GV gọi nhóm bất kỳ lên bảng trình bày các thông tin đã ghi lại được. Một số học sinh khác nhận xét và bổ sung.

**\* Kết luận, nhận định:** GV tổng hợp kiến thức và mở rộng thông tin

| THÔNG TIN PHẢN HỒI |
| --- |
| **1. Ý nghĩa chiến lược của Biển Đông trong việc phát triển kinh tế và bảo đảm quốc phòng an ninh**  + Biển Đông và các đảo, quần đảo của Việt Nam có vị trí, vai trò quan trọng đối với sự phát triển kinh tế và quốc phòng an ninh. Mục tiêu xây dựng Việt Nam trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn trên cơ sở phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của biển, đảo. Bởi thế nên cần phải phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.  + Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo là nền tảng, nguồn lực quan trọng phát triển kinh tế nên phải được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững nhằm phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng,…  + Khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên, bảo vệ môi trường biển và hải đảo vừa là quyền lợi, trách nhiệm của mọi cá nhân, tổ chức tham gia các hoạt động trên biển vừa phải gắn liền với đảm bảo quốc phòng an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho sự phát triển.  **2. Hướng chung trong việc giải quyết tranh chấp vùng biển, đảo ở Biển Đông.**  + Tuân thủ Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982.  + Chủ động, tích cực tham gia diễn đàn quốc tế và khu vực, phối hợp với các nước thực hiện đầy đủ và hiệu quả Tuyên bố ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), thúc đẩy ký Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).  + Đẩy mạnh phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển, khai thác hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên trên biển, bảo vệ môi trường biển, qua đó đảm bảo an ninh quốc phòng.  + Giải quyết các tranh chấp trên cơ sở hòa bình, hữu nghị, tôn trọng chủ quyền biển, đảo của các quốc gia, xây dựng một khu vực Đông Nam Á ổn định, hòa bình. |

# Hoạt động 3: Luyện tập

**1. Mục tiêu**

Củng cố lại kiến thức đã học, rèn luyện kĩ năng bài học góp phần hình thành các kĩ năng mới cho HSA screenshot of a video game

Description automatically generated

**2. Nội dung**

- GV tổ chức trò chơi ngắn, HS tham gia trò chơi để củng cố bài học.

- Trò chơi: Lựa chọn may mắn

**3. Sản phẩm**

- Kết quả câu trả lời của học sinh

**4. Tiến trình hoạt động:**

* **Chuyển giao nhiệm vụ:** GV phổ biến luật chơi: có 4 con số chứa 4 câu hỏi và 1 con số chứa ô may mắn. HS lựa chọn con số bất kỳ để trả lời câu hỏi. Nếu trả lời đúng, sẽ được thưởng 1 sao, nếu trả lời sai, các HS khác có quyền trả lời. Nếu lựa chọn đúng số may mắn thì sẽ được 10 điểm. Nội dung câu hỏi như sau:

**Câu 1:** Đặc điểm tự nhiên của biển Đông là

A. khí hậu mang tính chất nhiệt đới gió mùa.

B. nằm ở phía đông nam Thái Bình Dương.

C. có độ muối luôn luôn giữ ổn định 32%o.

D. chỉ có một số ít tài nguyên sinh vật biển.

**Câu 2:** Tài nguyên sinh vật biển nước ta

A. phong phú, đa dạng thành phần loài. B. không có loài giá trị kinh tế cao.

C. chỉ có các vườn quốc gia ven biển. D. ven bờ có ít loài rong được khai thác.

**Câu 3:** Khai thác khoáng sản biển nước ta hiện nay

A. sản lượng khai thác dầu khí tăng liên tục.

B. quan trọng nhất là dầu mỏ và muối biển.

C. sản lượng dầu thô thấp hơn khí tự nhiên.

D. đã mang lại nhiều nguồn lợi kinh tế lớn.

**Câu 4:** Hướng chung trong giải quyết các tranh chấp vùng biển, đảo ở nước ta **không** phải là

A. tuân thủ công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển.

B. tích cực tham gia các diễn đàn quốc tế và khu vực.

C. đẩy mạnh phát triển tổng hợp các ngành kinh tế biển.

D. giải quyết các tranh chấp trên biển Đông bằng vũ trang.

* **Thực hiện nhiệm vụ:** GV chiếu các con số cho học sinh lựa chọn, HS chọn các con số và trả lời câu hỏi.
* **Báo cáo, thảo luận:** HS trả lời sai thì HS khác sẽ ra tín hiệu xin trả lời.
* **Kết luận, nhận định:** GV tổng kết, đánh giá và cho điểm.

# Hoạt động 4: Vận dụng/Mở rộng

**1. Mục tiêu**

HS biết tìm kiếm thông tin, sưu tầm thông tin về chiến lược phát triển bền vũng kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

**2. Nội dung**

HS thực hiện bài tập ở nhà theo yêu cầu.

**3. Sản phẩm**

- Kết quả câu trả lời của học sinh trong vở bài tập

**4. Tiến trình hoạt động:**

- **Chuyển giao nhiệm vụ**: GV yêu cầu HS về nhà sưu tầm thông tin về chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- **Thực hiện nhiệm vụ:** HS về nhà tìm hiểu.